TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/HNGĐ-ST
Ngày 01-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liễng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.

2. Ông Lê Phú Tâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng Đ, sinh năm 1994; thường trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: 3/12 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Tuyết K, sinh năm 1996; thường trú: Ấp H, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: 3/12 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Trần Thị T, sinh năm 1953; thường trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2017, quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Hoàng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn, anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện chung sống với nhau, được

gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, quyển số 01/2014 ngày 04/5/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại 3/12 khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Trần Thị Tuyết K ham chơi, thường xuyên uống rượu, bia, không chăm lo cho chồng, con; ngoài ra, chị K còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ giữa tháng 4/2017 đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với chị K.

- Tại bản tự khai ngày 25/4/2017, bị đơn chị Trần Thị Tuyết K trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với phần trình bày của anh Đ về thời gian tìm hiểu, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ nghe lời cha mẹ, không tin tưởng chị K, thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Đ.

Về con chung: Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K thống nhất, quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Ngọc Thiên H, sinh ngày 05/8/2014, hiện nay đang sống cùng chị K. Sau ly hôn, chị K và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị K yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Đ không yêu cầu chị K cấp dưỡng nếu Tòa án chấp nhận giao con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

+ Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt văn bản tố tụng tham gia phiên tòa vào ngày 16/8/2017, 01/9/2017 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng.

+ Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao con chung tên Trần Ngọc Thiên H, sinh ngày 05/8/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung, các đương sự tự thỏa thuận nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Đ, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/7/2017 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 16/8/2017, 01/9/2017 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, quyển số 01/2014 ngày 05/5/2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Tình trạng hôn nhân: Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017. Anh Đ xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị K ham chơi, thường xuyên uống rượu, bia, không chăm lo cho chồng, con; chị K có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Chị K xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ nghe lời cha mẹ, không tin tưởng chị K, thường xuyên ghen tuông vô cớ. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại chính quyền địa phương, được biết quá trình chung sống giữa anh Đ và chị K chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn, khoảng tháng 3/2017 anh Đ có báo với đại diện khu phố về việc chị K có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không có chứng cứ chứng minh, chị K không thừa nhận nên khu phố không lập biên bản. Căn cứ vào lời khai của anh Đ và chị K có cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của anh Đ là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Thiên H, sinh ngày 05/8/2014. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát

triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Trần Ngọc Thiên H là con gái, mới hơn 3 tuổi, còn rất nhỏ, từ trước đến nay cháu sống cùng với chị K, vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng: Chị K yêu cầu anh Đ cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Theo bảng lương của anh Đ thì mức thu nhập hàng tháng của anh Đ dao động trên, dưới 8.000.000 đồng (tháng 1/2017 là 8.154.500đ, tháng 2/2017 là 7.851.423đ, tháng 3/2017 là 8.822.192đ), tại phiên tòa anh Đ xác định mức chi dùng sinh hoạt hàng tháng, tiền thuê nhà trọ, chu cấp cho cha mẹ hết 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Tòa án giao con cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng nên cần buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với thu nhập của anh Đ, điều kiện phát triển kinh tế tại địa phương, nhu cầu của con chung hiện nay, bảo đảm cho cháu phát triển toàn diện về mọi mặt, đồng thời đảm bảo được quyền lợi của phụ nữ và con phù hợp với quy định tại Điều 58, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án về quan hệ hôn nhân và con chung nên chấp nhận. Về chi phí cấp dưỡng là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hoàng Đ phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Trần Hoàng Đ được ly hôn với chị Trần Thị Tuyết K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Trần Ngọc Thiên H, sinh ngày 05/8/2014 cho chị Trần Thị Tuyết K trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Hoàng Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Trần Thị Tuyết K có yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Hoàng Đ chậm trả số tiền trên thì hàng tháng anh Trần Hoàng Đ còn trả cho chị Trần Thị Tuyết K khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh Trần Hoàng Đ và chị Trần Thị Tuyết K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hoàng Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009198 ngày 13/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Trần Hoàng Đ còn phải tiếp tục nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã H, Huyện C;
T.Tiền Giang (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đỗ Thị Liễng